



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
Hàng tuyển dụng công chức loại C
NHNN năm 2023

Phụ lục số 1.2

KẾT QUẢ KỶ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NHNN TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Vị trí: Chuyên viên Hoạch định và thực thi Chính sách tiền tệ

(Đính kèm Thông báo số: ...54.../TB-NHNN ngày 05/02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ				
1	2	3	4	5	6	7	8=6+7	9
1	CSTT1143	Nguyễn Hà Vy		30-10-2001		87	87	Trúng tuyển
2	CSTT1023	Nguyễn Quỳnh Chi		08-04-2001		86	86	Trúng tuyển
3	CSTT1027	Nguyễn Hồng Diễm		03-12-2001	5	80	85	Trúng tuyển
4	CSTT1090	Nguyễn Tuấn Minh	29-08-1999			85	85	Trúng tuyển
5	CSTT1020	Nguyễn Minh Châu		06-01-2001		84	84	Trúng tuyển
6	CSTT1050	Đàm Thu Hiền		27-11-2001		83	83	Trúng tuyển
7	CSTT1063	Vũ Quang Huy	23-07-1995			83	83	Trúng tuyển
8	CSTT1044	Nguyễn Thu Hà		01-12-2001		82	82	Trúng tuyển
9	CSTT1084	Chu Thị Ngọc Mai		11-05-2001		82	82	Trúng tuyển
10	CSTT1130	Võ Thuý Trang		05-02-1995		82	82	Trúng tuyển
11	CSTT1100	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997		81	81	Trúng tuyển
12	CSTT1005	Dương Quỳnh Anh		23-09-2000		80	80	Trúng tuyển
13	CSTT1012	Phạm Mai Anh		12-05-2001		80	80	Trúng tuyển
14	CSTT1041	Hoàng Thị Thu Hà		29-03-1993	5	75	80	Trúng tuyển
15	CSTT1083	Vũ Hoàng Diệp Linh		26-01-1999		80	80	Trúng tuyển
16	CSTT1113	Nguyễn Thị Thu Thanh		14-09-1997		80	80	Trúng tuyển
17	CSTT1091	Trần Hồng Minh		10-07-2001		79	79	Trúng tuyển
18	CSTT1097	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc		10-12-1998		79	79	Trúng tuyển
19	CSTT1112	Lê Minh Tâm	28-10-2001			79	79	Trúng tuyển
20	CSTT1018	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994		78	78	Trúng tuyển
21	CSTT1089	Nguyễn Thị Hồng Minh		27-03-1999		78	78	Trúng tuyển
22	CSTT1106	Trần Minh Phương		24-07-2001		78	78	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
23	CSTT1019	Trần Ngọc	Bình	01-01-2000			77	77	Trúng tuyển
24	CSTT1021	Đinh Thị Hải	Chi		28-07-1994		76	76	Trúng tuyển
25	CSTT1086	Phạm Thị Ngọc	Mai		01-01-2001		76	76	Trúng tuyển
26	CSTT1045	Vũ Việt	Hà		06-10-1998		75	75	Trúng tuyển
27	CSTT1052	Lâm Thị Mỹ	Hoa		17-07-1996		75	75	Trúng tuyển
28	CSTT1105	Nguyễn Hà	Phương		12-03-2001		75	75	Trúng tuyển
29	CSTT1080	Trần Phan Thùy	Linh		19-10-2001		74	74	
30	CSTT1138	Đoàn Thị Thu	Uyên		06-01-1999		73	73	
31	CSTT1101	Lê Thị Hồng	Nhung		19-12-2000		72	72	
32	CSTT1026	La Văn	Công	25-06-1994			71	71	
33	CSTT1124	Chu Phương	Trang		29-11-1999		71	71	
34	CSTT1144	Nguyễn Thị Hồng	Xoan		11-01-1995		71	71	
35	CSTT1011	Ninh Phan	Anh	29-06-2000			70	70	
36	CSTT1030	Phí Ngọc	Điệp	04-12-1994			70	70	
37	CSTT1036	Vũ Hoàng	Duy	17-10-1999			70	70	
38	CSTT1065	Nguyễn Khánh	Huyền		30-07-2000		70	70	
39	CSTT1081	Trần Phương	Linh		14-03-2001		70	70	
40	CSTT1099	Nguyễn Phạm Tây	Nguyễn	26-12-1997			70	70	
41	CSTT1107	Trần Hoàng	Quân	19-11-1999			70	70	
42	CSTT1127	Ngô Thu	Trang		07-09-1993		70	70	
43	CSTT1001	Đinh Thị	An		08-12-2000		69	69	
44	CSTT1032	Trịnh Thị Kim	Dung		23-09-1996		69	69	
45	CSTT1034	Lê Thuý	Dương		12-10-2001		69	69	
46	CSTT1079	Phan Thị Kim	Linh		27-02-1999		69	69	
47	CSTT1094	Nguyễn Thị Thuý	Ngân		11-09-2001		69	69	
48	CSTT1102	Nguyễn Hồng	Nhung		02-08-2001		69	69	



TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
49	CSTT1022	Lương Khánh	Chi		14-02-2001		68	68	
50	CSTT1046	Lê Thị	Hải		25-11-1994		68	68	
51	CSTT1074	Nguyễn Khánh	Linh		21-08-1997		68	68	
52	CSTT1093	Nguyễn Hoàng	Ngân		06-09-2000		68	68	
53	CSTT1109	Bùi Thị Hương	Quỳnh		04-05-1996		68	68	
54	CSTT1116	Khuất Minh	Thu		29-08-1998		68	68	
55	CSTT1135	Lê Ngọc	Tuấn	18-10-1999			68	68	
56	CSTT1066	Trần Hồng	Khánh		12-04-2001		67	67	
57	CSTT1095	Lê Minh	Ngọc		26-10-2000		67	67	
58	CSTT1103	Phạm Trang	Nhung		02-04-2001		67	67	
59	CSTT1110	Lê Thuý	Quỳnh		26-07-2000		67	67	
60	CSTT1111	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		29-11-2001		67	67	
61	CSTT1114	Nguyễn Phương	Thào		01-09-2001		67	67	
62	CSTT1115	Phan Phương	Thào		26-01-2001		67	67	
63	CSTT1134	Lê Hồ Kiều	Trinh		21-11-1999		67	67	
64	CSTT1136	Nguyễn Thành	Tuấn	13-01-2001			67	67	
65	CSTT1141	Vũ Thị Thanh	Vân		09-02-2001		67	67	
66	CSTT1029	Nguyễn Ngọc	Diệp		07-10-1992		66	66	
67	CSTT1047	Chữ Thu	Hằng		08-03-1996		66	66	
68	CSTT1068	Nguyễn Văn	Lâm	23-02-1991			66	66	
69	CSTT1120	Vũ Thị Thanh	Thủy		29-12-1997		66	66	
70	CSTT1140	Trương Thị Hải	Vân		21-12-2001		66	66	
71	CSTT1037	Bá Thị Khánh	Duyên		26-09-2000		65	65	
72	CSTT1039	Cao Hoàng Ngọc	Hà		13-02-1994		65	65	
73	CSTT1133	Đào Thị Kiều	Trinh		22-02-1999		65	65	
74	CSTT1016	Trịnh Khắc	Anh	07-01-1997			64	64	



Handwritten signature or mark.

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ				
1	2	3		4	5	6	7	8=6+7	9
75	CSTT1058	Nguyễn Duy	Hùng	10-06-2000			64	64	
76	CSTT1061	Dương Thị Thu	Hương		21-02-2001		64	64	
77	CSTT1122	Nguyễn Thị Thùy	Trâm		09-11-1999		64	64	
78	CSTT1129	Trần Phương	Trang		30-09-2000		64	64	
79	CSTT1013	Phạm Thị Phương	Anh		27-05-2000		63	63	
80	CSTT1069	Vũ Thị Phương	Lan		24-01-1994		63	63	
81	CSTT1085	Đặng Thị	Mai		17-07-1996		63	63	
82	CSTT1096	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		02-08-1998		63	63	
83	CSTT1031	Nguyễn Văn	Đồng	23-01-2000			62	62	
84	CSTT1057	Trương Việt	Hoàng	19-12-2001			62	62	
85	CSTT1076	Nguyễn Phan Khánh	Linh		17-09-1998		62	62	
86	CSTT1126	Lê Huyền	Trang		09-07-2001		62	62	
87	CSTT1009	Nguyễn Lan	Anh		29-07-2000		61	61	
88	CSTT1049	Nguyễn Thị	Hậu		20-08-1999		61	61	
89	CSTT1073	Nguyễn Đặng Thuý	Linh		31-01-2001		61	61	
90	CSTT1092	Đỗ Trần Bảo	Ngân		04-11-2000		61	61	
91	CSTT1119	Đặng Thị Thu	Thủy		20-07-2000		61	61	
92	CSTT1028	Mai Ngọc	Diệp		17-01-2001		60	60	
93	CSTT1059	Nguyễn Khoa	Hưng	23-07-2000			60	60	
94	CSTT1118	Lê Hồng	Thủy		11-01-2001		60	60	
95	CSTT1007	Dương Văn Lan	Anh		03-10-1991				Vắng
96	CSTT1015	Trần Thị Mai	Anh		02-02-2001				Vắng
97	CSTT1054	Trịnh Hiền	Hoà		29-10-2001				Vắng
98	CSTT1062	Phạm Ngọc Lan	Hương		18-04-1999				Vắng



K